

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐẮK LẮK
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Cơ sở 2: Số 73 Phạm Ngọc Thạch, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại: 02573.843.015; Email: cemdaklak@gmail.com

VIMCERTS 144

Số: KQ25-191/01-01.

Đắk Lắk, ngày 17 tháng 9 năm 2025

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC - THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: Bệnh viện đa khoa Phú Yên
- Địa chỉ: 15 Nguyễn Hữu Thọ, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk.
- Loại mẫu: Nước thải
- Số lượng: 02 mẫu.
- Thông tin mẫu: Mẫu được đo đạc và lấy tại Bệnh viện đa khoa Phú Yên. Địa chỉ: 15 Nguyễn Hữu Thọ, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk. Các chai mẫu khi tiếp nhận được bảo quản lạnh.
- Ngày lấy mẫu: 03/9/2025.
- Thời gian thử nghiệm: 03/9/2025 – 17/9/2025.
- Kết quả:

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		Phương pháp
			NT1-168	NT2-168	
1	pH	-	7,36	7,32	TCVN 6492:2011
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	11	15	SMEWW 2540D:2017
3	BOD ₅ (20°C)	mg/L	8,25	26,61	TCVN 6001-1:2008
4	COD	mg/L	14,8	47,6	SMEWW 5220C:2017
5	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	6,72	8,97	TCVN 5988:1995
6	Sulfua (S ²⁻)	mg/L	<0,01	<0,01	TCVN 6637:2000
7	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)	mg/L	0,43	0,54	SMEWW 4500-P.E:2017
8	Dầu, mỡ động thực vật	mg/L	1	0,7	SMEWW 5520B&F:2017
9	Coliforms	MPN/100mL	2,2x10 ²	1,7x10 ²	SMEWW 9221B:2017
10	Nitrat (NO ₃ tính theo N) ^(*)	mg/L	1,82	1,64	SMEWW 4500-NO ₃ .E:2023
11	Salmonella ^(b)	CFU/100mL	KPH (LOD=0,7)	KPH (LOD=0,7)	TCVN 9717:2013
12	Shigella ^(b)	CFU/100mL	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	SMEWW 9276:2023

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử hoặc tại thời điểm đo đạc, lấy mẫu.

2. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

3. Thời gian lưu mẫu: 05 ngày làm việc, kể từ ngày trả Phiếu kết quả đo đạc - thử nghiệm (ngoại trừ mẫu không khô).

4. Kết quả này không được trích sao một phần, nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk.

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		Phương pháp
			NT1-168	NT2-168	
13	Vibrio cholerae ^(b)	CFU/ 100mL	KPH (LOD=0,7)	KPH (LOD=0,7)	SMEWW 9278:2023
14	Tổng hoạt độ phóng xạ α ^(#)	Bq/L	KPH (LOD=0,02)	KPH (LOD=0,02)	TCVN 6053:2011
15	Tổng hoạt độ phóng xạ β ^(#)	Bq/L	KPH (LOD=0,3)	KPH (LOD=0,3)	TCVN 6053:2011

Ghi chú:

- Mã số mẫu: 2508-168.
- (*): Thông số được thực hiện bởi VILAS 667.
- (b): Thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ VIMCERTS 330.
- (#): Thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ VIMCERTS 117.
- Dấu (-): Không quy định; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện.

Vị trí:

- + NT1-168: Đầu ra hệ thống xử lý nước thải 250m³ (Tọa độ: X= 1449790; Y= 586483).
- + NT2-168: Đầu ra hệ thống xử lý nước thải 300m³ (Tọa độ: X= 1449790; Y= 586483).

PHÒNG PTMT

Nguyễn Ngọc Như Sơn

KT. GIÁM ĐỐC

KHO GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hải Minh

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử hoặc tại thời điểm đo đạc, lấy mẫu.
2. Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: 05 ngày làm việc, kể từ ngày trả Phiếu kết quả đo đạc - thử nghiệm (ngoại trừ mẫu không khí).
4. Kết quả này không được trích sao một phần, nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk.